

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS**

Báo cáo tài chính đã được soát xét
cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2024
đến ngày 30 tháng 06 năm 2024



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01-03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04-05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06-09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	11
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	12-26



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS

Thôn Phù Long Ba, Xã Long Xuyên, Huyện Phúc Thọ, TP.Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Đầu Tư ATS (sau đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024.

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đầu Tư ATS (được chuyển đổi từ Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ giải trí Mùa Thu) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100830798 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/12/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 02 tháng 05 năm 2024 và cũng là bản điều chỉnh gần đây nhất.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 01/01/2024 và 30/06/2024 là 35.000.000.000 VND.

Trụ sở chính: Thôn Phù Long Ba, Xã Long Xuyên, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Hoạt động kinh doanh của Công ty

- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...);
- Dịch vụ ăn uống khác. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng trong khoảng thời gian cụ thể; Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống; Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, ví dụ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không, xí nghiệp vận tải hành khách đường sắt...; Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự; Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống; Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke);
- Bán buôn đồ uống. Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Ngọc Thái	Chủ tịch HĐQT - Miễn nhiệm ngày 19 tháng 04 năm 2024
Ông Trần Phúc Thiên Ân	Chủ tịch HĐQT - Bổ nhiệm ngày 19 tháng 04 năm 2024
Ông Phạm Quang Khánh	Thành viên HĐQT - Miễn nhiệm ngày 19 tháng 04 năm 2024
Bà Trần Thị Thuý Hằng	Thành viên HĐQT - Bổ nhiệm ngày 19 tháng 04 năm 2024
Bà Nguyễn Quỳnh Mai	Thành viên HĐQT độc lập - Miễn nhiệm ngày 19 tháng 04 năm 2024
Ông Nguyễn Trương Quốc Cường	Thành viên HĐQT độc lập - Bổ nhiệm ngày 19 tháng 04 năm 2024

Ban Kiểm soát

Bà Phạm Thị Thanh Mai	Trưởng ban kiểm soát - Miễn nhiệm ngày 19 tháng 04 năm 2024
Bà Lâm Thị Thanh Huệ	Trưởng ban kiểm soát - Bổ nhiệm ngày 19 tháng 04 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Thiên Hoa	Thành viên - Miễn nhiệm ngày 19 tháng 04 năm 2024
Bà Đào Thị Ngọc Bích	Thành viên - Bổ nhiệm ngày 19 tháng 04 năm 2024
Bà Đỗ Văn Nam	Thành viên - Miễn nhiệm ngày 19 tháng 04 năm 2024
Bà Trần Thị Điệp	Thành viên - Bổ nhiệm ngày 19 tháng 04 năm 2024

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Kiến Trúc	Tổng Giám đốc - Bổ nhiệm từ ngày 19 tháng 04 năm 2024
Ông Lê Sỹ Cường	Tổng Giám đốc - Miễn nhiệm ngày 19 tháng 04 năm 2024
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 đến ngày lập báo cáo tài chính như sau:

Ông Trần Phúc Thiên Ân Chủ tịch Hội đồng quản trị

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính sáu tháng

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 10/2024/NQ/HĐQT-ATS ngày 22/7/2024 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư ATS về việc bán cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng Quang Nguyên Land và mua cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư - Quản lý Bất Động Sản CPG.

Và theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 11/2024/NQ/HĐQT-ATS ngày 12/08/2024 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư ATS về việc bán cổ phần tại Công ty Dược và Thiết bị Y tế T.N.T và Công ty Cổ phần Delta.

Ngoài các sự kiện đã nêu trên, thì không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024.

6. Công bố trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

7. Công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ

Chúng tôi công bố Báo cáo tài chính đính giữa niên độ kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và các luồng lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



TRẦN PHÚC THIÊN ÂN

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024





Số: 229/2024/BCSX-HCM.01518

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của

Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Đầu Tư ATS

Chúng tôi đã soát xét thông tin tài chính giữa niên độ kèm theo của Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Đầu Tư ATS, được lập ngày 14 tháng 08 năm 2024, từ trang 06 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Đầu Tư ATS chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 đã được soát xét bởi Kiểm toán viên và Công ty Kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã kết luận và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 11 tháng 08 năm 2023.

Báo cáo tài chính cuối niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty Kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã kết luận và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 12 tháng 03 năm 2024.



ĐẶNG THỊ MỸ VÂN

Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số : 0173-2023-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2024

330
C
KI
FC
T.T.
3078
G TY
PHÂN
ĐOÀ
U TU
TS
10 - T

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS

Thôn Phú Long Ba, Xã Long Xuyên, Huyện Phúc Thọ, TP.Hà Nội, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN				
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		13.205.717.255	12.686.247.990
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	79.632.297	6.907.158
1. Tiền	111		79.632.297	6.907.158
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.309.563.906	4.637.577.858
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	4.273.481.450	4.626.577.900
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	2.711.054.798	2.685.972.300
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	10.999.958	10.999.958
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(2.685.972.300)	(2.685.972.300)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	13.249.211	68.206.939
1. Hàng tồn kho	141		13.249.211	68.206.939
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.803.271.841	7.973.556.035
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	4.131.300	13.214.993
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.799.140.541	7.960.341.042
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS

Thôn Phú Long Ba, Xã Long Xuyên, Huyện Phúc Thọ, TP.Hà Nội, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		37.873.913.932	37.710.029.296
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		109.927.980	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	109.927.980	-
- Nguyên giá	222		213.124.969	101.348.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(103.196.989)	(101.348.000)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	37.710.000.000	37.710.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		18.410.000.000	18.410.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		19.300.000.000	19.300.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		53.985.952	29.296
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	53.985.952	29.296
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		51.079.631.187	50.396.277.286

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS

Thôn Phù Long Ba, Xã Long Xuyên, Huyện Phúc Thọ, TP.Hà Nội, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
NGUỒN VỐN				
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		7.564.045.002	6.942.126.957
I. Nợ ngắn hạn	310		7.564.045.002	6.942.126.957
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	5.10	4.527.608.304	4.977.012.293
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	131.124.698	67.537.882
4. Phải trả người lao động	314		2.833.312.000	1.815.758.600
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	72.000.000	81.818.182
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		-	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

15-C
Y
N
AM
11/1/2024
M.S.U.N: 01P
H. PHU

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS

Thôn Phù Long Ba, Xã Long Xuyên, Huyện Phúc Thọ, TP.Hà Nội, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		43.515.586.185	43.454.150.329
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.13	43.515.586.185	43.454.150.329
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		35.000.000.000	35.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		35.000.000.000	35.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.515.586.185	8.454.150.329
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8.454.150.329	8.223.274.683
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		61.435.856	230.875.646
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		51.079.631.187	50.396.277.286


CHÂU THỊ SƯƠNG MAI

Người lập biểu/Kế toán trưởng

**TRẦN PHÚC THIÊN ẮN**

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS

Thôn Phù Long Ba, Xã Long Xuyên, Huyện Phúc Thọ, TP.Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	23.099.562.000	21.279.687.900
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	23.099.562.000	21.279.687.900
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	21.524.912.351	20.307.247.374
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.574.649.649	972.440.526
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	117.351	419.369
7. Chi phí tài chính	22	6.4	-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	969.393.513	847.507.415
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		605.373.487	125.352.480
11. Thu nhập khác	31		-	17.678.380
12. Chi phí khác	32	6.6	422.862.933	4.739.880
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(422.862.933)	12.938.500
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		182.510.554	138.290.980
(50 = 30 + 40)				
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	121.074.698	28.606.172
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		61.435.856	109.684.808
(60 = 50 - 51 - 52)				
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	18	31
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		18	31


CHÂU THỊ SƯƠNG MAI

Người lập biểu/Kế toán trưởng

**TRẦN PHÚC THIÊN ÂN**

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS

Thôn Phú Long Ba, Xã Long Xuyên, Huyện Phúc Thọ, TP.Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	23.452.658.450	21.499.552.800
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(20.750.222.559)	(17.425.132.590)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.880.171.800)	(3.619.035.864)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(171.311.619)	(559.742.498)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	540.117.351	2.009.844.026
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(1.006.567.715)	(26.779.880)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	184.502.108	1.878.705.994
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(111.776.969)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(37.710.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	35.700.000.000
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(111.776.969)	(2.010.000.000)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	72.725.139	(131.294.006)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6.907.158	145.878.117
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	79.632.297	14.584.111


CHÂU THỊ SƯƠNG MAI

Người lập biểu/Kế toán trưởng

**TRẦN PHÚC THIÊN ÂN**

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Thành lập

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đầu Tư ATS (được chuyển đổi từ Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ giải trí Mùa Thu) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100830798 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/12/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 02 tháng 05 năm 2024 và cũng là bản điều chỉnh gần đây nhất.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 01/01/2024 và 30/06/2024 là 35.000.000.000 VND.

Trụ sở chính: Thôn Phù Long Ba, Xã Long Xuyên, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Các hoạt động chính của Công ty là thương mại, dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...);

- Dịch vụ ăn uống khác. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng trong khoảng thời gian cụ thể; Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống; Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, ví dụ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không, xí nghiệp vận tải hành khách đường sắt...; Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự; Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền;

- Dịch vụ phục vụ đồ uống;

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống; Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke);

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke);

- Bán buôn đồ uống. Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Các số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.6 Tổng số nhân viên đến ngày 30 tháng 06 năm 2024: 46 nhân viên (tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 52 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (gọi tắt là "Thông tư số 200/2014/TT-BTC"), Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 53/2016/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hoá để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, giá trị các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

Phương pháp kế toán đối với khoản cổ tức được chia bằng cổ phiếu

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Phương pháp kế toán trường hợp hoán đổi cổ phiếu

Giá trị cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán, đối với cổ phiếu chưa niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM, đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.5 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

4.6 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.8 Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ vốn góp sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nguyên tắc ghi nhận Cổ tức phải trả

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

4.9 Phương pháp ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau: nguyên vật liệu, hàng hoá; bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

4.10 Doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

4.11 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thuận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hoá vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Theo quy định hiện hành, các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Sự khác biệt giữa số thuế được quyết toán và số liệu của Báo cáo tài chính (nếu có) sẽ được chỉnh sau khi có quyết toán.

4.13 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Bên liên quan	Địa điểm	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Delta	TP. Hà Nội	Chủ tịch người đại diện pháp luật Công ty Cổ phần Delta là cháu ruột của Ông Phạm Quang Khánh thành viên hội đồng quản trị của công ty.
Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị Y tế T.N.T	TP. Hà Nội	Chủ tịch HĐQT của Công ty Tập đoàn Dược phẩm ATESCO Ông Trần Ngọc Thái cũng là chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Dược phẩm Y tế T.N.T
Hội đồng thành viên	TP. Hà Nội	Thành viên chủ chốt
Chủ tịch, Tổng Giám đốc	TP. Hà Nội	Thành viên chủ chốt

30. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền	79.632.297	6.907.158
Tiền mặt	77.520.012	2.764.879
Tiền gửi ngân hàng	2.112.285	4.142.279
Cộng	<u>79.632.297</u>	<u>6.907.158</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS

Thôn Phú Long Ba, Xã Long Xuyên, Huyện Phúc Thọ, TP.Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.2	Phải thu của khách hàng	30/06/2024	01/01/2024
		VND	VND
	Ngắn hạn	4.273.481.450	4.626.577.900
	Công ty TNHH Sumidenso Việt Nam	4.273.481.450	4.626.577.900
	Cộng	4.273.481.450	4.626.577.900
5.3	Trả trước cho người bán	30/06/2024	01/01/2024
		VND	VND
	Ngắn hạn	2.711.054.798	2.685.972.300
	Công ty Cổ phần Thực Phẩm Thảo Nguyên Xanh	1.654.917.300	1.654.917.300
	Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Và Kiến Trúc Greendetech	951.055.000	951.055.000
	Công ty TNHH Tư Vấn Và Xây Dựng Quảng Châu	80.000.000	80.000.000
	Khác	25.082.498	-
	Cộng	2.711.054.798	2.685.972.300
5.4	Phải thu khác	30/06/2024	01/01/2024
		VND	VND
	Ngắn hạn	10.999.958	10.999.958
	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược (*)	10.999.958	10.999.958
	Phải thu khác	-	-
	Cộng	10.999.958	10.999.958
(*) Là khoản tiền đặt cọc để thuê văn phòng theo Hợp đồng thuê văn phòng và dịch vụ văn phòng số TAC 20-F6/11 ký ngày 01/07/2020 (kèm theo phụ lục gia hạn hợp đồng số 04 ký ngày 31/03/2023 với thời hạn từ 01/07/2023 đến ngày 30/06/2024) để làm trụ sở làm việc tại Phòng 608, Tầng 6, Toà nhà Sky City Tower A số 88 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội.			
5.5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	30/06/2024	01/01/2024
		VND	VND
	Trả trước cho người bán		
	Công ty Cổ phần Thực Phẩm Thảo Nguyên Xanh	1.654.917.300	1.654.917.300
	Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Và Kiến Trúc Greendetech	951.055.000	951.055.000
	Công ty TNHH Tư Vấn Và Xây Dựng Quảng Châu	80.000.000	80.000.000
	Cộng	2.685.972.300	2.685.972.300
5.6	Hàng tồn kho	30/06/2024	01/01/2024
		Giá trị VND	Giá trị VND
		Dự phòng VND	Dự phòng VND
	Nguyên liệu, vật liệu	13.249.211	68.206.939
	Cộng	13.249.211	68.206.939

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS

Thôn Phú Long Ba, Xã Long Xuyên, Huyện Phúc Thọ, TP.Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.***5.7 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Máy móc, thiết bị VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	101.348.000	-	101.348.000
<i>Mua trong kỳ</i>	111.776.969		111.776.969
<i>Giảm khác</i>	-	-	-
Số dư cuối kỳ	213.124.969	-	213.124.969
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	101.348.000	-	101.348.000
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	1.848.989	-	1.848.989
<i>Giảm khác</i>	-	-	-
Số dư cuối kỳ	103.196.989	-	103.196.989
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	109.927.980	-	109.927.980

Tài sản cố định hữu hình có nguyên giá 101.348.000 VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 nhưng vẫn còn sử dụng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 101.348.000 VND).

5.8 Chi phí trả trước

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	4.131.300	13.214.993
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.131.300	13.214.993
Chi phí trả trước dài hạn	53.985.952	29.296
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	53.985.952	29.296
Cộng	58.117.252	13.244.289

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS
Thôn Phú Long Ba, Xã Long Xuyên, Huyện Phúc Thọ, TP.Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.9 Các khoản đầu tư tài chính	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND
- Đầu tư vào công ty liên kết	18.410.000.000	-	-	18.410.000.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát Triển Xây Dựng Quang Nguyên Land (1)	8.960.000.000	-	(*)	8.960.000.000
+ Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị Y tế T.N.T (2)	9.450.000.000	-	(*)	9.450.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	19.300.000.000	-	(*)	19.300.000.000
+ Công ty Cổ phần Delta (3)	19.300.000.000	-	(*)	19.300.000.000
Cộng	37.710.000.000	-	(*)	37.710.000.000

Đầu tư góp vốn vào đơn vị có liên quan

Công ty Cổ phần Delta 19.300.000.000 VND

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

(1) Công ty Cổ phần Đầu tư Phát Triển Xây Dựng Quang Nguyên Land

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát Triển Xây Dựng Quang Nguyên Land là được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0109530728 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 02 năm 2021, hoạt động chính của công ty này là hoạt động bất động sản. Tại ngày 30/06/2024, Công ty đã đầu tư chiếm 44,8% vốn điều lệ.

Đến thời điểm hiện tại, Công ty đã bán toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát Triển Xây Dựng Quang Nguyên Land cho ông Nguyễn Mạnh Hùng theo Nghị quyết HĐQT số 10/2024/NQ-HDQT-ATS ngày 22/07/2024 và khoản tiền chuyển nhượng công ty này đã thu hồi đầy đủ.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS
Thôn Phú Long Ba, Xã Long Xuyên, Huyện Phúc Thọ, TP.Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

(2) Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị Y tế T.N.T

Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị Y tế T.N.T được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0102980502 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 10 năm 2008, hoạt động chính của công ty này là được phẩm và thiết bị y tế. Tại ngày 30/06/2024, Công ty đã đầu tư chiếm 31,5% vốn điều lệ.

Đến thời điểm hiện tại, Công ty đã bán toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị Y tế T.N.T cho Ông Lê Bá Thọ theo Nghị quyết HĐQT số 11/2024/NQ-HĐQT-ATS ngày 12/08/2024 và khoản tiền chuyển nhượng công ty này đã thu hồi đầy đủ.

(3) Công ty Cổ phần Delta

Công ty Cổ phần Delta được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101160585 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 08 năm 2001, hoạt động chính của công ty này là bất động sản. Tại ngày 30/06/2024, Công ty đã đầu tư chiếm 9,65% vốn điều lệ.

Đến thời điểm hiện tại, Công ty đã bán toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Delta cho Ông Phạm Thanh Tùng theo Nghị quyết HĐQT số 11/2024/NQ-HĐQT-ATS ngày 12/08/2024 và khoản tiền chuyển nhượng công ty này đã thu hồi đầy đủ.

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư tại ngày 30/06/2024 như sau:

Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát Triển Xây Dựng Quang Nguyên Land	Số 2/A2/6, Ngõ Quyền, P.Quang Trung, Quận Hà Đông, TP.Hà Nội	44,80%	44,80%	Hoạt động kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Delta	Số 847, Ngõ Gia Tự, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, TP.Hà Nội	9,65%	9,65%	Hoạt động kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị Y tế T.N.T	Số 55, Vũ Thành, P.Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, TP.Hà Nội	31,50%	31,50%	Buôn bán dược phẩm và thiết bị Y tế

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS

Thôn Phú Long Ba, Xã Long Xuyên, Huyện Phúc Thọ, TP.Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.10 Phải trả người bán	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	4.527.608.304	4.527.608.304	4.977.012.293	4.977.012.293
Công ty TNHH Thực phẩm Dũng Lan	508.791.260	508.791.260	325.342.686	325.342.686
Công ty TNHH Phúc Khang Hải Dương	643.038.250	643.038.250	680.875.800	680.875.800
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Thực phẩm An Hà	280.137.880	280.137.880	317.386.516	317.386.516
Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ và Xây dựng Trường Thịnh	388.620.432	388.620.432	490.456.580	490.456.580
Công ty TNHH cung ứng khí hoá lỏng Hà Nội	109.684.540	109.684.540	98.212.400	98.212.400
Công ty TNHH QT Food	1.264.203.228	1.264.203.228	1.445.021.748	1.445.021.748
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Hoà Hường	484.841.214	484.841.214	425.939.202	425.939.202
Phải trả đối tượng khác	848.291.500	848.291.500	1.193.777.361	1.193.777.361
Cộng	4.527.608.304	4.527.608.304	4.977.012.293	4.977.012.293

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/bù trừ trong kỳ	30/06/2024
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	58.903.882	233.482.435	171.311.619	121.074.698
Thuế thu nhập cá nhân	8.634.000	22.780.000	21.364.000	10.050.000
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	77.889.699	77.889.699	-
Cộng	67.537.882	338.152.134	274.565.318	131.124.698

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.12 Chi phí phải trả ngắn hạn	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí trích trước khác	72.000.000	81.818.182
Cộng	72.000.000	81.818.182

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS

Thôn Phú Long Ba, Xã Long Xuyên, Huyện Phúc Thọ, TP.Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.13 Vốn chủ sở hữu**5.13.1 Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	35.000.000.000	-	8.223.274.683	43.223.274.683
Tăng vốn bằng phát hành	-	-	-	-
Lãi trong kỳ trước	-	-	230.875.646	230.875.646
Số dư cuối năm trước	35.000.000.000	-	8.454.150.329	43.454.150.329
Số dư đầu kỳ này	35.000.000.000	-	8.454.150.329	43.454.150.329
Lãi trong kỳ	-	-	61.435.856	61.435.856
Số dư cuối kỳ này	35.000.000.000	-	8.515.586.185	43.515.586.185

5.13.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp	30/06/2024 VND	Tỷ lệ vốn góp	01/01/2024 VND
Đỗ Duy Kiên	24,74%	8.660.600.000	0,00%	-
Trần Thị Thanh	9,93%	3.477.000.000	0,00%	-
Tô Văn Thành	9,67%	3.386.100.000	0,00%	-
Các cổ đồng khác	55,65%	19.476.300.000	100,00%	35.000.000.000
Cộng	100,00%	35.000.000.000	100,00%	35.000.000.000

5.13.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	35.000.000.000	35.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	35.000.000.000	35.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia bằng cổ phiếu	-	-

5.13.4 Cổ phiếu

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.500.000	3.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.500.000	3.500.000
Cổ phiếu phổ thông	3.500.000	3.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.500.000	3.500.000
Cổ phiếu phổ thông	3.500.000	3.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Doanh thu cung cấp suất ăn	23.099.562.000	21.279.687.900
Cộng	23.099.562.000	21.279.687.900
6.2 Giá vốn hàng bán		
Giá vốn cung cấp suất ăn	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Giá vốn cung cấp suất ăn	21.524.912.351	20.307.247.374
Cộng	21.524.912.351	20.307.247.374
6.3 Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, cho vay	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Lãi tiền gửi, cho vay	117.351	419.369
Cộng	117.351	419.369
6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Chi phí nhân viên	722.724.000	663.362.000
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.788.158	6.150.003
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.848.989	2.479.914
Thuế, phí, lệ phí	4.000.000	5.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	73.515.151	41.297.554
Chi phí bằng tiền khác	161.517.215	129.217.944
Cộng	969.393.513	847.507.415
6.6 Chi phí khác		
Chi phí phạt	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Chi phí phạt	365.477.436	4.739.880
Chi phí khác	57.385.497	-
Cộng	422.862.933	4.739.880

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS

Thôn Phú Long Ba, Xã Long Xuyên, Huyện Phúc Thọ, TP.Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

6.7 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.788.158	6.150.003
Chi phí nhân công	722.724.000	663.362.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.848.989	2.479.914
Thuế, phí, lệ phí	4.000.000	5.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	73.515.151	41.297.554
Chi phí khác bằng tiền	161.517.215	129.217.944
Cộng	969.393.513	847.507.415

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
a. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	182.510.554	138.290.980
b. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	422.862.933	4.739.880
- Các khoản điều chỉnh giảm	422.862.933	4.739.880
+ Các khoản khác	422.862.933	4.739.880
c. Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành (a+b)	605.373.487	143.030.860
+ Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
d. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	121.074.698	28.606.172
e. Truy thu thuế TNDN	-	-
f. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	121.074.698	28.606.172

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

6.9 Lãi trên cổ phiếu	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	61.435.856	109.684.808
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sỡ hữu cổ phiếu phổ thông	61.435.856	109.684.808
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.500.000	3.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	18	31

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS

Thôn Phù Long Ba, Xã Long Xuyên, Huyện Phúc Thọ, TP.Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp chủ yếu là dịch vụ cung cấp các suất ăn, tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội. Do vậy báo cáo của Công ty không trình bày bộ phận.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

8.1.1 Giao dịch với các bên liên quan

Tên	Chức vụ	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Bà Phạm Trần Ngọc Anh		-	19.300.000.000
Mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Delta		-	19.300.000.000
Cộng		-	19.300.000.000

Thù lao hội đồng quản trị, ban tổng giám đốc

Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	236.100.000	229.770.000
Cộng		236.100.000	229.770.000

8.1.2 Số dư với các bên liên quan

Góp vốn vào đơn vị khác	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Công ty Cổ phần Delta	19.300.000.000	19.300.000.000
Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị Y tế T.N.T	9.450.000.000	9.450.000.000
Cộng	28.750.000.000	28.750.000.000

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

8.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 10/2024/NQ/HĐQT-ATS ngày 22/7/2024 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư ATS về việc bán cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng Quang Nguyên Land và mua cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư - Quản lý Bất Động Sản CPG.

Và theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 11/2024/NQ/HĐQT-ATS ngày 12/08/2024 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư ATS về việc bán cổ phần tại Công ty Dược và Thiết bị Y tế T.N.T và Công ty Cổ phần Delta.

Ngoài các sự kiện đã nêu trên, thì không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CHÂU THỊ SƯƠNG MAI

Người lập biểu/Kế toán trưởng



TRẦN PHÚC THIÊN AN

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU
TƯ ATS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 34/2024/CV-ATS

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2024

V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận
so với cùng kỳ năm trước tại BCTC
bán niên năm 2024.

Kính gửi: - Ủy Ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tên tổ chức: **CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS**

Mã chứng khoán: **ATS**

Địa chỉ: Thôn Phù Long Ba, xã Long Xuyên, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội

Điện thoại liên hệ: 0919012659

E-mail: quanhecodong.ats@gmail.com

Căn cứ Thông tư số: 96/2020/TT-BTC, Công ty phải giải trình Báo cáo tài chính trong trường hợp “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước”. Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư ATS (gọi tắt là “Công ty ATS”) giải trình như sau:

Căn cứ Báo cáo tài chính bán niên kiểm toán năm 2023 và năm 2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư ATS, trong đó lợi nhuận sau thuế bán niên năm 2024 là 61.435.856 đồng, lợi nhuận sau thuế bán niên năm 2023 là 109.684.808 đồng. Như vậy, lợi nhuận sau thuế bán niên năm 2024 giảm 44% so với năm 2023.

Lý do: Công ty có khoản truy thu và phạt chậm nộp Thuế theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Cơ quan Thuế số 3256/QĐ-CCT-XLVPHC-KTr ngày 23 tháng 05 năm 2024.

Công ty cam kết các nội dung giải trình trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước cổ đông và pháp luật về các nội dung này.

Trân trọng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.



TRẦN PHÚC THIÊN AN